

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Bà Lưu Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 517/2024/TLST-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 199/TB-TA ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần M, địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (nay là tầng 15, Tòa nhà C, số B, phố T, phường Y, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc D – Trưởng phòng xử lý nợ Miền Nam (văn bản ủy quyền số 06/2024/UQ-TGD ngày 11/7/2024). *Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Ngọc D:* Ông Trần Minh T1 và Võ Thế V – Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: Tầng D, số A T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là Tầng D, số A T, phường L, tỉnh An Giang) (theo văn bản ủy quyền số 3905/2025/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 06/5/2025).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Hà T2, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: khóm D, xã T, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần ()

Việt Nam T; địa chỉ: số H L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Trưởng phòng xử lý nợ Tích hợp 2 (văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Như G: Ông Vương Lê Vĩnh N – Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Đặng Minh T4 - Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: Tầng A, số E T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là Tầng A, số E T, phường C, thành phố Cần Thơ) (theo văn bản ủy quyền số 18/2025/UQN-PGD ngày 24/02/2025).

Ông T1 có mặt; ông N có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà T3, ông T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty cổ phần M trình bày:

Ngày 29/6/2024, Ngân hàng TMCP V1 (viết tắt Ngân hàng V2) thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 01/2024/VPB-JUPITER và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 02/2024/VPB-JUPITER với Công ty cổ phần M % của nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, xử lý tài sản thế chấp và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh theo Hợp đồng tín dụng. Còn lại 10/% vẫn thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng V2.

Trong các khoản nợ được mua lại từ Ngân hàng TMCP V2, có khoản vay của bên nợ là ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3, cụ thể như sau:

Ngày 09/5/2023, Ngân hàng TMCP V1 có cho ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 vay số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng), theo Hợp đồng cho vay số LN2305049063581 ngày 09/5/2023, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh sản xuất nước đá, thời hạn vay: 120 tháng, lãi suất là 12%/năm, trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 15, kỳ trả đầu tiên vào ngày 15/6/2023; số tiền trả mỗi tháng 18.334.000 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử hợp đồng số LN2305259267192 ngày 01/6/2023, số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay: 60 tháng. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ vay, ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 đã thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng hợp đồng thế chấp số LN2305049063581/HĐTC ngày 09/5/2023.

Quá trình vay, ông T2, bà T3 thanh toán nợ cho Ngân hàng đến ngày 14/4/2024. Trong đó, số tiền gốc đã thanh toán là 162.630.678 đồng, số tiền lãi đã thanh toán là 135.005.694 đồng. Số nợ vay gốc còn lại là 2.037.369.322 đồng, ông T2, bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi mua bán nợ xong thì phía Công ty cổ phần M có liên hệ với ông T2, bà T3 để thanh toán số nợ nhưng ông T2, bà T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do ông T2, bà T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty cổ phần M khởi kiện. Đối với Hợp đồng cho vay số: LN2305049063581, Công ty cổ phần M yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 phải thanh toán cho Công ty M (tỉ lệ 90%) một lần tổng số tiền nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay số: LN2305049063581 tạm tính đến ngày 25/9/2025 là: 2.474.795.344 (*Hai tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc: 1.833.632.390 đồng và lãi: 625.578.043 đồng lãi chậm trả là 15.584.911 đồng.

Đồng thời, tiếp tục tính lãi đến khi tất toán nợ vay theo quy định tại hợp đồng tín dụng LN2305049063581 ngày 09/5/2023 và xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo trả dứt nợ gốc và lãi cho Công ty.

Đối với Hợp đồng thế số: 378-P-8504505, đã chuyển nợ quá hạn, dư nợ của khoản vay này tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 156.462.317 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 95.321.620 đồng và nợ lãi là: 61.140.697 đồng. Nay Công ty cổ phần M xin rút lại yêu cầu không khởi kiện ông T2, bà T3 trả nợ đối với hợp đồng thế số: 378-P-8504505 (LN2305259267192) ngày 01/6/2023 này.

[2] Bị đơn ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 vắng mặt. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 đến làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử, nhưng bị đơn không đến dù đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP V1 có yêu cầu khởi kiện độc lập trình bày:

Ngân hàng TMCP V1 có cho ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 vay số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng), có thế chấp tài sản quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số LN2305049063581 ngày 09/5/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thế, phát hành và sử dụng thế tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử hợp đồng số LN2305259267192 ngày 01/6/2023, số tiền 100.000.000 đồng.

Quá trình vay, ông T2, bà T3 thanh toán nợ cho Ngân hàng đến ngày 14/4/2024. Trong đó, số tiền gốc đã thanh toán là 162.630.678 đồng, số tiền lãi đã thanh toán là 135.005.694 đồng. Số nợ vay gốc còn lại là 2.037.369.322 đồng, ông T2, bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 29/6/2024 Ngân hàng TMCP V1 đã đồng ý bán cho Công ty cổ phần M 90% toàn bộ khoản nợ của ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 theo hai hợp đồng mà ông T3, bà

T2 đã vay của Ngân hàng, còn lại 10% số nợ thì ông T3, bà T2 phải trả cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng V2 có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án buộc ông T2, bà T3 trả số tiền cho Ngân hàng V2 (tỉ lệ V3) một lần tổng số tiền nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay số: LN2305049063581 tạm tính đến ngày 25/9/2025 là: 274.977.260 đồng, trong đó nợ gốc: 203.736.932 đồng và lãi: 69.508.671 đồng, lãi chậm trả là 1.731.657 đồng. Đồng thời, tiếp tục tính lãi đến khi tất toán nợ vay theo quy định tại hợp đồng tín dụng LN2305049063581 ngày 09/5/2023 và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2305049063581/HĐTC ngày 09/5/2023 cho đến khi ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 trả dứt nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang phát biểu ý kiến:

[4.1] Về việc tuân thủ tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4.2] Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M và yêu cầu độc lập của Ngân hàng V2 khởi kiện ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3, thấy rằng Ngân hàng V2 với H kinh doanh H do Huỳnh Ngọc T3 đại diện các bên đều có đăng ký kinh doanh.

Hợp đồng cho vay số LN2305049063581 và khế ước nhận nợ ngày 09/5/2023 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 với Huỳnh Hà T2 và Huỳnh Ngọc T3, để cho vay số tiền 2.200.000.000đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh sản xuất nước đá. Việc vay tín dụng của bị đơn có thể chấp tài sản là Giấy chứng nhận QSDĐ số 02052 QSDĐ/KI do UBND huyện T cấp ngày 7/7/2004 mang tên Huỳnh Hà T2 và Huỳnh Ngọc T3, diện tích 1.410 m² thuộc thửa số 3736; Diện tích 3741 m² thuộc thửa 314; Diện tích 691 m² thuộc thửa 3756, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã N (nay xã T).

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn 2.200.000.000đồng, ông T2 và bà T3 đã trả tiền vốn được 162.630.667.000đồng và còn nợ vốn gốc 2.037.370.000đồng, lãi suất trả được 135.005.694đồng. Sau đó, ông, bà T2 và T3 không thanh toán cho Ngân hàng, từ ngày 15/4/2024, khoản vay vốn đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 29/6/2024, Ngân hàng V1 ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 01/2024/VPB-JUPITER và Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 02/2024/VPB-JUPITER, với Công ty M, theo đó Ngân hàng V2 bán cho Công ty M bằng tỷ lệ 90 % của nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh theo Hợp đồng tín dụng. Còn lại tỷ lệ 10% vẫn thuộc quyền của bên bán nợ và không được chuyển giao cho bên mua nợ. Theo đó, Công ty M đã mua nợ của bên bán nợ - Ngân hàng V1 với từng bên nợ là Huỳnh Hà T2 và Huỳnh Ngọc T3, cụ thể 90% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2305049063581 ngày 9/5/2023 (Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2024 - VPB-JUPITER); Còn lại 10% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2305049063581 ngày 9/5/2023 là thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng V2.

Xét thấy việc mua bán nợ đảm bảo theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022. Vì vậy, Công ty M có quyền yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn T2 và T3 phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2305049063581 ngày 9/5/2023.

Do T2 và T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng cho vay số LN2305049063581 và Khế ước nhận nợ ngày 9/5/2023 ký kết với Ngân hàng V2 nên Công ty M quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng V2 khởi kiện yêu cầu T2 và T3 trả khoản nợ gốc và lãi suất đã mua theo tỉ lệ 90 %; Ngân hàng V2 khởi kiện yêu cầu độc lập buộc T2 và T3 trả nợ vốn gốc và lãi suất còn nợ theo tỉ lệ 10% là có cơ sở xem xét chấp nhận.

Về mức lãi suất mà Công ty M và Ngân hàng yêu cầu là có cơ sở xem xét chấp nhận. Theo Bảng tổng hợp dư nợ lãi của Huỳnh Hà T2 và Huỳnh Ngọc T3 trong đó có sự phân chia công nợ lãi suất có cơ sở chấp nhận, cụ thể: phần nợ lãi mà T2 và T3 phải trả cho Công ty M (tỉ lệ 90 %) là tổng cộng 641.162.954 đồng và trả cho Ngân hàng V2 (tỉ lệ 10%) tổng cộng là 71.240.328 đồng.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M, buộc Huỳnh Hà T2 và Huỳnh Ngọc T3 thanh toán cho Công ty cổ phần M (tỉ lệ 90 %) tiền vốn gốc 1.833.632.390 đồng và lãi suất 641.162.954 đồng, tạm tính đến ngày 25/9/2025 và lãi suất tiếp tục phát sinh theo hợp đồng cho vay đã ký.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP V1, buộc Huỳnh Hà T2 và Huỳnh Ngọc T3 thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (tỉ lệ 10%) tiền vốn gốc là 203.736.923 đồng và lãi suất 71.240.328 đồng, tạm tính đến ngày 25/9/2025 và lãi suất tiếp tục phát sinh theo hợp đồng cho vay đã ký.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M về buộc Huỳnh Hà T2 và Huỳnh Ngọc T3 thanh toán khoản vay vốn trên thẻ 95.321.620 đồng và lãi suất 30.361.453 đồng, do Công ty cổ phần M rút yêu cầu.

Trường hợp T2 và T3 không trả nợ theo hợp đồng cho vay đã ký với Ngân hàng V2 thì tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02052 QSDĐ/KI do UBND huyện T cấp ngày 7/7/2004 mang tên Huỳnh Hà T2 và Huỳnh Ngọc T3, diện tích 1.410 m² thuộc thửa số 3736; Diện tích 314m² thuộc thửa 3741; Diện tích 691 m² thuộc thửa 3756, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã N (nay xã T) được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 Bộ luật Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Hà T2, bà Huỳnh Ngọc T3 trả tiền vay theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng mua bán nợ. Ông T2, bà T3 có đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh Lập P, mục đích vay kinh doanh sản xuất nước đá, nên đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, bị đơn ông Huỳnh Hà T2, bà Huỳnh Ngọc T3 cư trú tại xã T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Huỳnh Hà T2, bà Huỳnh Ngọc T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LN2305049063581 ngày 09/5/2023 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 thỏa thuận cho ông Huỳnh Hà T2, bà Huỳnh Ngọc T3 vay số tiền 2.200.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng ký kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, không trái pháp luật nên được thừa nhận. Quá trình vay, ông T2, bà T3 thanh toán nợ cho Ngân hàng đến ngày 14/4/2024. Trong đó, số tiền gốc đã thanh toán là 162.630.678 đồng, số tiền lãi đã thanh toán là 135.005.694 đồng. Số nợ vay gốc còn lại là 2.037.369.322 đồng, ông T2, bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[2.2] Ngày 29/6/2024, Ngân hàng TMCP V1 đã bán cho Công ty cổ phần M 90% toàn bộ khoản nợ của ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 theo hai hợp đồng mà ông T3, bà T2 đã vay của Ngân hàng, còn lại 10% số nợ thì ông

T3, bà T2 phải trả cho Ngân hàng.

Xét việc mua bán nợ giữa Ngân hàng TMCP V1 với Công ty cổ phần M là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 365, 368 Bộ luật Dân sự 2015 về việc chuyển giao quyền yêu cầu và chuyển giao quyền yêu cầu có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, vì vậy nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu mua bán nợ này của Công ty cổ phần M.

Sau khi mua bán nợ xong thì phía Công ty có liên hệ với ông T2, bà T3 để thanh toán số nợ nhưng ông T2, bà T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty cổ phần M có đơn khởi kiện buộc ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 phải thanh toán cho Công ty M (tỉ lệ 90%) một lần tổng số tiền nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay số: LN2305049063581 tạm tính đến ngày 25/9/2025 là: 2.474.795.344 (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc: 1.833.632.390 đồng và lãi: 625.578.043 đồng lãi chậm trả là 15.584.911 đồng là có căn cứ nên chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần M.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 26/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2305049063581 ngày 09/5/2023.

[2.3] Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh A xử lý tài sản đảm bảo là diện tích 2.415m² thuộc thửa đất số: 3736; 3741; 3756, tờ bản đồ số: 01, đất tọa lạc tại địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Đ 666064, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02052QSDĐ/kl do UBND huyện T cấp ngày 07/07/2004 theo Hợp đồng thế chấp số LN2305049063581/HĐTC ngày 09/5/2023 để thu hồi khoản nợ vay tương ứng 90% của Công ty cổ phần M.

[3] Đối với Hợp đồng thế số: 378-P-8504505, chuyển nợ quá hạn. Dư nợ tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 156.462.317 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 95.321.620 đồng và nợ lãi là: 61.140.697 đồng, Công ty cổ phần M tự nguyện rút lại yêu cầu không khởi kiện ông T2, bà T3 trả nợ đối với hợp đồng thế số: 378-P-8504505 (LN2305259267192) ngày 01/6/2023 này nên chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu này của Công ty cổ phần M.

[4] Xét yêu cầu độc lập ngày 05/8/2025 của Ngân hàng TMCP V1 yêu cầu ông Huỳnh Hà T2, bà Huỳnh Ngọc T3 phải trả nợ tỷ lệ 10% còn lại, tương ứng số tiền 274.977.260 đồng, trong đó nợ gốc: 203.736.932 đồng và lãi 69.508.671 đồng, lãi chậm trả 1.731.657 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng

xét xử chấp nhận.

[4.1] Kể từ ngày tiếp theo ngày 26/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Thị T5 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2305049063581 ngày 09/5/2023.

[4.2] Ngân hàng TMCP V1 được quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh An Giang xử lý tài sản đảm bảo là diện tích 2.415m² thuộc thửa đất số: 3736; 3741; 3756, tờ bản đồ số: 01, đất tọa lạc tại địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Đ 666064, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02052QSĐĐ/kl do UBND huyện T cấp ngày 07/07/2004 theo Hợp đồng thế chấp số LN2305049063581/HĐTC ngày 09/5/2023 để thu hồi khoản nợ vay tương ứng 10% của Ngân hàng.

[5] Về chi phí tố tụng, quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án ban hành Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn Công ty M đã tạm ứng chi phí số tiền 1.000.000 đồng, nay yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty cổ phần M không phải chịu chi phí này, buộc ông Huỳnh Hà T2 và Huỳnh Ngọc T3 hoàn trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền 1.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 thuộc trường hợp người cao tuổi lẽ ra được xét miễn án phí, tuy nhiên do bị đơn vắng mặt, không triệu tập làm việc được nên không có nộp đơn xin miễn án phí, vì vậy cần buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, 244, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 299, 304, 317, 319, 463, 466, 468, 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 100, Điều 103, 196, 197, 198 và Điều 210 Luật các tổ chức Tín dụng 2024;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M, buộc ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 phải trả cho Công ty cổ phần M số tiền nợ gốc 1.833.632.390 đồng, lãi 625.578.043 đồng, lãi chậm trả 15.584.911 đồng, tổng cộng 2.474.795.344 (*Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng*).

[2] Đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M đối với Hợp đồng thế số: 378-P-8504505, dư nợ tính đến ngày 25/9/2025 là 156.462.317 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc là 95.321.620 đồng và nợ lãi là: 61.140.697 đồng.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng TMCP V1, buộc ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền nợ gốc 203.736.932 đồng, lãi 69.508.671 đồng, lãi chậm trả 1.731.657 đồng, tổng cộng 274.977.260 đồng (*Hai trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

[4] Kể từ ngày tiếp theo ngày 26/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2305049063581 ngày 09/5/2023.

[5] Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh A xử lý tài sản đảm bảo là diện tích 2.415m² thuộc thửa đất số: 3736; 3741; 3756, tờ bản đồ số: 01, đất tọa lạc tại địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Đ 666064, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02052QSĐĐ/kl do UBND huyện T cấp ngày 07/07/2004 theo Hợp đồng thế chấp số LN2305049063581/HĐTC ngày 09/5/2023 để đảm bảo thu hồi khoản nợ vay.

[6] Về chi phí tố tụng, buộc ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 hoàn trả lại 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) cho Công ty cổ phần M.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại, ông Huỳnh Hà T2 và bà Huỳnh Ngọc T3 phải chịu 95.244.770 đồng (*chín mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*) tiền án phí sơ thẩm.

Công ty cổ phần M không phải chịu án phí không phải chịu án phí kinh doanh thương mại, nên được hoàn lại số tiền 37.482.500 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012872 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – An Giang).

Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại, nên được hoàn lại 6.168.000 đồng (sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000733 ngày 13/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[8] Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14 - AG;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà